| Trường: TH Thực hành Nguyễn Tất Thành | Thứ Ba ngày 10 tháng 9 năm 2024 |
| --- | --- |
| Lớp: 1A1 | Kế hoạch dạy học môn Tiếng Việt |
| Giáo viên: Nguyễn Ngọc Diễm | **Bài mở đầu: Em là học sinh (4 tiết)** |

**I. MỤC TIÊU**

*Sau khi học xong bài này, HS đạt được những yêu cầu sau:*

- Làm quen với thầy cô và bạn bè.

- Làm quen với những hoạt động học tập của HS lớp 1: đọc sách, viết chữ, phát biểu ý kiến, hợp tác với bạn,...

- Có tư thế ngồi đọc, ngồi viết đúng; có tư thế đúng khi đứng lên đọc bài hoặc phát biểu ý kiến; biết cách cầm bút, tập viết các nét chữ cơ bản; có ý thức giữ gìn sách, vở, đồ dùng học tập (ĐDHT),...

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

* Giáo viên: Máy tính, SGK điện tử.
* Học sinh: Sách giáo khoa, vở bài tập, vở Luyện viết 1, tập một.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

| **Thời gian** | **Nội dung** | **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** | **Đồ dùng** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TIẾT 1 + 2 (ghép tiết để dạy bù thứ Hai nghỉ)**  **Mục tiêu:** - HS làm quen với cô giáo và các bạn trong lớp. (Nhớ được tên các bạn, sở thích và một số thông tin về các bạn trong lớp)  **-** HS nhận dạng được SGK Tiếng Việt lớp 1 – tập 1, vở bài tập TV 1 và vở Luyện viết; nhớ được các kí hiệu có trong sách  - HS được làm quen với một số hình thức học tập trong môn học.  - HS thực hành cách ngồi viết/đọc đúng tư thế, cách cầm bút, cách phát biểu ý kiến. | | | |  |
|  | **1/Khởi động**  **2 phút** | - GV mở Video bài hát “Vui đến trường”. | - HS hát và nhảy theo. |  |
|  | **2.1/Khám phá** | - Thầy cô tự giới thiệu về mình. | - HS lắng nghe. |  |
| **15 phút** | - HS tự giới thiệu bản thân:  GV mời HS tiếp nối nhau tự giới thiệu (to, rõ) trước thầy cô và các bạn trong lớp: tên, tuổi (ngày, tháng, năm sinh), học lớp..., sở thích, nơi ở,...  \* GV cần tạo điều kiện cho tất cả HS trong lớp được tự giới thiệu. Để đỡ mất thời gian, HS có thể đứng trước lớp hoặc đứng tại chỗ, quay mặt nhìn các bạn tự giới thiệu. Sau lời giới thiệu của mỗi bạn, cả lớp vỗ tay.  \* GV khuyến khích HS giới thiệu vui, tự nhiên, hồn nhiên. Khen ngợi những HS giới thiệu về mình to, rõ, ấn tượng. | - HS giới thiệu.  Lớp vỗ tay khuyến khích các bạn. |  |
| **5 phút** | **- GV giới thiệu SGK *Tiếng Việt 1,* tập một**  - Đây là sách *Tiếng Việt 1,* tập một. Sách dạy các em biết đọc, viết; biết nghe, nói, kể chuyện; biết nhiều điều thú vị. Sách đẹp, có rất nhiều tranh, ảnh. Các em cần giữ gìn sách cẩn thận, không làm quăn mép sách, không viết vào sách.  - HS mở trang 2, nghe thầy cô giới thiệu các kí hiệu trong sách.  - GV giới thiệu và cách sử dụng VBT Tiếng Việt, vở Luyện viết 1 – tập 1. | - HS lấy sách.  - HS lắng nghe.  - HS theo dõi thực hiện.  - HS lấy vở, quan sát và lắng nghe. |  |
| **3 phút**  **3 phút**  **3 phút**  **3 phút**  **3 phút**  **3 phút** | **2.2/Khám phá (tiếp)** | **a) Kĩ thuật đọc**  - HS nhìn hình 2: Em đọc.  - GV: Trong hình 2, hai bạn nhỏ đang làm gì?  - GV: *Từ hôm nay, các em bắt đầu đọc bài trong SGK. Sang học kì II, mồi tuần các em sẽ có 2 tiết đọc sách tự chọn, sau đó đọc lại cho thầy cô và các bạn nghe những gì mình đã đọc. Các tiết học này sẽ giúp các em tăng cường kĩ năng đọc và biết thêm nhiều điều thú vị, bổ ích.*  - GV hướng dẫn HS tư thế ngồi đọc: ngồi thẳng lung, mắt cách xa sách khoảng 25 - 30 cm để không mắc bệnh cận thị.  **b) Hoạt động nhóm**  - HS nhìn hình 3: Em làm việc nhóm.  - GV: Các bạn HS trong hình 3 đang làm gì?  - GV hỏi: Theo em, thảo luận nhóm để làm gì?/có tác dụng gì?  - GV giới thiệu: *Đó là nhóm lớn (4 người). Làm việc nhóm sẽ giúp các em có kĩ năng hợp tác với bạn để hoàn thành bài tập. Ở học kì I, các em sẽ được làm quen với hoạt động nhóm đôi (2 bạn), đôi khi với nhóm 3 - 4 bạn. Từ học kì II, đến phần Luyện tập tổng hợp, các em sẽ hoạt động nhóm 3-4 bạn nhiều hơn.*  - GV giúp HS hình thành nhóm: *nhóm đôi - nhóm với bạn ngồi bên cạnh; nhóm 4 (ghép 2 bàn học lại). Có thể chờ đến học kì II mới hình thành nhóm 4. GV chỉ định 1 HS làm nhóm trưởng trong tháng đầu. Mỗi HS trong nhóm sẽ lần lượt làm nhóm trưởng trong những tháng tiếp theo. Để các thành viên trong nhóm ai cũng làm việc, cũng góp sức, các em sẽ cùng trao đối. thảo luận, hoàn thành bài tập, hoàn thành trò chơi, hợp tác báo cáo kết quả (không chỉ đại diện nhóm báo cáo kết quả).*  **c) Nói - phát biểu ý kiến**  - HS nhìn hình 4: Em nói.  - GV: Bạn HS trong tranh đang làm gì? Em có nhận xét gì về dang đứng của bạn.  - GV: *Các em chú ý tư thế của bạn: Đứng thẳng, mắt nhìn thẳng, thái độ tự tin.*  GV mời 1, 2 HS làm mẫu. (Nhắc HS không cần khoanh tay khi đứng lên phát biểu).  - GV: *Khi phát biểu ý kiến trước lớp, các em cần nói to, rõ để cô và các bạn nghe rõnhững điều mình nói. Nói quá nhỏ thì cô và các bạn không nghe được.*  - HS thực hành luyện nói trước lớp. VD: Giới thiệu bản thân; nói về bố mẹ,...  **d) Học với người thân**  - HS nhìn hình 5: Em học ở nhà.  - GV: Bạn HS đang làm gì?  - GV: Những gì các em đã học ở lớp, các em hãy trao đổi thường xuyên cùng bố mẹ, ông bà, anh chị em,... Mọi người hiểu việc học của em, sẽ giúp đỡ em rất nhiều.  **e) Hoạt động trải nghiệm - đi tham quan**  - HS nhìn hình 6: Em trải nghiệm.  GV: Các bạn HS đang làm gì?  - GV: *Ở lớp 1, các em sẽ được đi tham quan một số cảnh đẹp, một số di tích lịch sử của địa phương. Đi tham quan cũng là một cách học. Các em lưu ý: Khi đi tham quan, các em cần thực hiện đúng yêu cầu của cô: bám sát lớp và cô, không đi tách đoàn, la cà dễ bị lạc; đặc biệt khi qua đường cần theo đúng hướng dẫn của cô.*  **g) Đồ dùng học tập của em**  - HS nhìn hình các đồ dùng học tập.  - GV: Đây là gì? (GV chỉ từng hình)  - GV: Nói chung, đây là đồ dùng học tập của em. *ĐDHT là bạn học thân thiết của em, giúp em rất nhiều trong học tập. Hằng ngày đi học, các em đừng quên mang theo ĐDHT; hãy giữ gìn ĐDHT cẩn thận. Chú ý đừng làm quăn mép sách, vở; không viết vào sách.* | - HS lắng nghe.  - HS trả lời: Hai bạn đang làm việc nhóm đôi, cùng đọc sách, trao đổi về sách.  - HS thực hành ngồi đúng tư thế.  - HS trả lời: Các bạn đang làm việc nhóm.  - HS trả lời.  (VD: nhóm tự đọc sách để HS trao đổi sách báo, cùng đi thư viện, hỗ trợ nhau đọc sách,...)  - HS làm việc theo nhóm.  - HS trả lời: Bạn đang phát biểu ý kiến. Bạn đứng thẳng,…  - Một số HS thực hiện.  - HS nhắc lại.  - HS thực hiện.  - HS: Bạn đang trao đổi cùng bố mẹ về bài học. Bố mẹ ân cần giúp đỡ bạn.  - HS lắng nghe.  - HS quan sát, trả lời câu hỏi: Các bạn đang tham quan Chùa Một Cột ở Hà Nội cùng cô giáo.  - HS nói: cặp sách, vở, bảng con, thước kẻ, sách, hộp bút màu, bút mực, bút chì, tẩy, kéo thủ công, ...  - HS bày trên bàn học ĐDHT của mình cho cô kiểm tra. |  |
| **TIẾT 3 + 4 (ghép tiết để dạy bù thứ Hai nghỉ)**  **Mục tiêu: -** Dạy bài hát về HS lớp 1, tạo tâm thế hào hứng cho HS bước vào lớp 1 (Cuối lớp 1, HS sẽ được học bài thơ Gửi lời chào lớp Một, chuẩn bị tâm thế lên lớp 2).  - Giúp HS bước đầu cảm nhận được vẻ đẹp của tiếng Việt.  - Giúp HS bước đầu làm quen với các kí hiệu khác nhau (kí hiệu ghi nốt nhạc, kí hiệu ghi tiếng nói - tức là chữ viết). | | | |  |
| **1 phút** | **1/ Khởi động** | - Ổn định lớp học. | - Chuẩn bị đồ dùng |  |
| **20 phút**  **5 phút** | **2/ Khám phá** | **a) Dạy hát**  - HS mở SGK trang 11, GV dạy HS hát bài *Chúng em là học sinh lớp Một.*  **b) Trao đổi**  - Hỏi HS cảm nhận về tiếng Việt: Tiếng Việt có hay không?  - Hỏi HS về các kí hiệu trong bản nhạc:  + Những kí hiệu nào thể hiện giọng hát (cao thấp, dài ngắn) của các em? Các cô môn Âm nhạc sẽ dạy các em cách đọc những kí hiệu này.  + Những kí hiệu nào ghi lại lời hát của các em? Cô sẽ dạy các em những chữ này để các em biết đọc, biết viết. | - HS làm theo lời cô giáo  - HS trả lời. |  |
| **9 phút** |  | - GV tổ chức cuộc thi “Giọng hát véo von”.  Từng tổ sẽ lên thi hát với nhau. GV và thành viên các tổ sẽ là BGK. | - Các tổ thi hát. |  |

IV. RÚT KINH NGHIỆM SAU TIẾT DẠY

........................................................................................................................................

......................................................................................................................................

| Trường: TH Thực hành Nguyễn Tất Thành | Thứ Ba ngày 10 tháng 9 năm 2024  Thứ Tư ngày 11 tháng 9 năm 2024 |
| --- | --- |
| Lớp: 1A1 | Kế hoạch dạy học môn Tiếng Việt |
| Giáo viên: Nguyễn Ngọc Diễm | **Bài 1: a, c (3 tiết)**  **Tiết 1 – Thứ Ba**  **Tiết 2, 3 – Thứ Tư** |

**I. MỤC TIÊU**

*Sau khi học xong bài này, HS đạt được những yêu cầu sau:*

**1. Phát triển các năng lực đặc thù – năng lực ngôn ngữ:**

- Nhận biết các âm và chữ cái a, c; đánh vần đúng tiếng có mô hình “âm đầu - âm chính”: ca.

- Nhìn tranh, ảnh minh họa, phát âm và tự phát hiện được tiếng có âm a, âm c; tìm được chữ a, chữ c trong bộ chữ.

- Viết đúng các chữ cái a và c và tiếng ca.

**2. Góp phần phát triển các năng lực chung và phẩm chất:**

- Khơi gợi tình yêu thiên nhiên.

- Khơi gợi óc tìm tòi, vận dụng những điều đã học vào thực tế.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Giáo viên: Máy chiếu để minh họa từ khóa, từ trong bài tập hoặc tranh ảnh, mẫu vật, vật thật.

- Học sinh: Sách giáo khoa, vở bài tập, bộ đồ dùng, bảng con, hộp phấn.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

| **Thời gian** | **Nội dung** | **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** | **Đồ dùng** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TIẾT 1** | | | | |
| **3 phút** | **1. Khởi động** | **Mục tiêu:** - Ổn định trật tự lớp.  - Giới thiệu bài mới. |  |  |
| - Ổn định và cho lớp hát bài “Chúng em là học sinh lớp 1”.  - Giới thiệu bài:  Giáo viên viết lên bảng lớp tên bài và giới thiệu: Hôm nay các em sẽ học bài đầu tiên: âm a và chữ a; âm c và chữ c.  - GV ghi chữ a, nói: a  - GV ghi chữ c, nói: c (cờ)  - GV nhận xét, sửa lỗi phát âm cho HS. | - HS hát.  - HS lắng nghe.  - 4 - 5 em, cả lớp: a.  - Cá nhân, cả lớp: c. |  |
| **32 phút** | **2. Khám phá** | **Mục tiêu:** HS nhận biết các âm và chữ cái a, c; đánh vần đúng tiếng co mô hình “âm đầu-âm chính”: **ca**. |  |  |
| **Dạy bài mới: tiếng ca, chữ cái a, c**  **Hướng dẫn cách đánh vần** | ***a. Dạy âm a, c.*** |  |  |
| - GV đưa lên bảng cái ca và hỏi HS: Đây là cái gì?  - GV chỉ tiếng **ca**.  - GV nhận xét. | - HS quan sát và trả lời: Đây là cái ca.  - HS đọc cá nhân - tổ - cả lớp: ca |  |
| - GV chỉ tiếng ca và mô hình tiếng ca:   | ca | | | --- | --- | | c | a |   - GV hỏi: Tiếng ca gồm những âm nào?  *\* Đánh vần.*  - Giáo viên hướng dẫn cả lớp vừa nói vừa thể hiện động tác tay:  + Chập hai tay vào nhau để trước mặt, phát âm: ***ca***  + Vừa tách bàn tay trái ra, ngả về bên trái, vừa phát âm: ***cờ***  + Vừa tách bàn tay phải ra, ngả về bên phải, vừa phát âm: ***a***  + Vừa chập hai bàn tay lại, vừa phát âm: ***ca***.  - GV cùng 1 tổ học sinh đánh vần lại với tốc độ nhanh dần: ***cờ-a-ca*** | - HS quan sát.  - HS trả lời nối tiếp: Tiếng ca gồm có âm c và âm a. Âm c đứng trước và âm a đứng sau. |  |
| - Quan sát và cùng làm với GV.  - HS làm và phát âm cùng GV.  - HS làm và phát âm cùng GV.  - HS làm và phát âm cùng GV.  - HS làm và phát âm cùng GV.  - HS làm và phát âm cùng GV theo từng tổ.  - Cá nhân, tổ nối tiếp nhau đánh vần: ***cờ-a-ca.***  - Cả lớp đánh vần: ***cờ-a-ca.*** |  |
| ***b. Củng cố:***  - Các em vừa học hai chữ mới là chữ gì?  - Các em vừa học tiếng mới là tiếng gì?  - GV chỉ mô hình tiếng ca. | - Chữ c và chữ a.  - Tiếng ca.  - HS đánh vần, đọc trơn: ***cờ-a-ca, ca.*** |  |
| **5 phút** | **Nghỉ giải lao** | GV cho HS nhảy bài nhảy “Gummy bear”  **TIẾT 2** | | |
| **10 phút**  **10 phút**  **15 phút** | **3. Luyện tập** | **Mục tiêu:** Tự phát hiện và phát âm được tiếng có âm a, âm c; tìm được chữ a, chữ c trong bộ chữ. |  |  |
| **Mở rộng vốn từ** | ***Mở rộng vốn từ. (BT3: Nói to tiếng có âm a....)*** |  |  |
| *a. Xác định yêu cầu*  - GV nêu yêu cầu của bài tập: Các em nhìn vào SGK trang 6 (GV giơ sách mở trang 6 cho HS quan sát) rồi nói to tiếng có âm a. Nói thầm (nói khẽ) tiếng không có âm a. | - Học sinh lắng nghe yêu cầu và mở sách đến trang 6. |  |
| *b. Nói tên sự vật*  - GV chỉ từng hình theo số thứ tự mời học sinh nói tên từng con vật.  - GV chỉ từng hình yêu cầu cả lớp nói tên tên từng sự vật.  - Cho HS làm bài trong vở Bài tập | - HS lần lượt nói tên từng con vật: gà, cá, nhà, thỏ, lá  - HS nói đồng thanh.  - HS làm cá nhân nối a với từng hình chứa tiếng có âm a trong vở bài tập. |  |
| *c. Tìm tiếng có âm a.*  - GV làm mẫu:  + GV chỉ hình gà gọi học sinh nói tên con vật.  + GV chỉ hình thỏ gọi học sinh nói tên con vật.  \* Trường hợp học sinh không phát hiện ra tiếng có âm a thì GV phát âm thật chậm, kéo dài để giúp HS phát hiện ra. | - HS nói to gà (vì tiếng gà có âm a)  - HS nói thầm thỏ (vì tiếng thỏ không có âm a) |  |
| *d. Báo cáo kết quả.*  - GV chỉ từng hình mời học sinh báo cáo kết quả theo nhóm đôi. | + HS1 chỉ hình 1 - HS2 nói to: gà  + HS1 chỉ hình 2 - HS2 nói to: cá  + HS1 chỉ hình 3 - HS2 nói to: cà  + HS1 chỉ hình 4 - HS2 nói to: nhà  + HS1 chỉ hình 5 - HS2 nói thầm: thỏ  + HS1 chỉ hình 6- HS2 nói to: lá |  |
| - GV chỉ từng hình theo thứ tự đảo lộn, bất kì, mời học sinh báo cáo kết quả. | - HS báo cáo cá nhân. |  |
| - GV chỉ từng hình yêu cầu học sinh nói.  - GV đố học sinh tìm 3 tiếng có âm a. (Hỗ trợ HS bằng hình ảnh) | - HS cả lớp đồng thanh nói to tiếng có âm a, nói thầm tiếng không có âm a.  - HS nói (cha, bà, da,...) |  |
| **Mở rộng vốn từ** | ***Mở rộng vốn từ. (Bài tập 4: Tìm tiếng có âm c (cờ)*** |  |  |
|  | a. Xác định yêu cầu của bài tập |  |  |
|  | - GV nêu yêu cầu bài tập: Vừa nói to tiếng có âm c vừa vỗ tay. Nói thầm tiếng không có âm c. | - HS theo dõi. |  |
|  | *b. Nói tên sự vật*  - GV chỉ từng hình theo số thứ tự mời 1 học sinh nói tên từng con vật.  - GV chỉ từng hình yêu cầu cả lớp nhắc tên tên từng sự vật.  - GV giải nghĩa từ cú: là loài chim ăn thịt, kiếm mỗi vào ban đêm, có mắt lớn rất tinh.  - Cho HS làm bài trong vở Bài tập | - HS lần lượt nói tên từng con vật: *cờ, vịt, cú, cò, dê, cá.*  - HS nói đồng thanh. (nói to, nói nhỏ)  - HS lắng nghe.  - HS làm cá nhân nối a với từng hình chứa tiếng có âm a trong vở bài tập. |  |
|  | *c. Báo cáo kết quả.*  - GV chỉ từng hình mời học sinh báo cáo kết quả theo nhóm đôi. | + HS1 chỉ hình 1 - HS2 nói to: cờ vỗ tay 1 cái  + HS1 chỉ hình 2 - HS2 nói thầm: vịt không vỗ tay  + HS1 chỉ hình 3 - HS2 nói to: cú vỗ tay 1 cái  + HS1 chỉ hình 4 - HS2 nói to: cò vỗ tay 1 cái  + HS1 chỉ hình 5 - HS2 nói thầm: dê không vỗ tay  + HS1 chỉ hình 6 - HS2 nói to: cá vỗ tay 1 cái |  |
|  | - GV chỉ từng hình theo thứ tự đảo lộn, bất kì, mời học sinh báo cáo kết quả. | - HS báo cáo cá nhân. |  |
|  | - GV chỉ từng hình yêu cầu học sinh nói.  - GV đố học sinh tìm 3 tiếng có âm c (Hỗ trợ HS bằng hình ảnh) | - HS cả lớp đồng thanh nói to tiếng có âm c, nói thầm tiếng không có âm c.  - HS nói (cỏ, cáo, cờ...) |  |
| **Mở rộng vốn từ** | ***Tìm chữ a, chữ c (Bài tập 5)*** |  |  |
| *a) Giới thiệu chữ a, chữ c*  - GV giới thiệu chữ a, chữ c in thường: Các em vừa học âm a và âm c. Âm a được ghi bằng chữ a. Âm c được ghi bằng chữ c (tạm gọi là chữ cờ) - mẫu chữ ở dưới chân trang 6.  - GV giới thiệu chữ A, chữ C in hoa dưới chân trang 7. | - Lắng nghe và quan sát.  - Lắng nghe và quan sát. |  |
| *b. Tìm chữ a, chữ c trong bộ chữ*  - GV gắn lên bảng hình minh họa BT 5 và giới thiệu tình huống: Bi và Hà cùng đi tìm chữ a và chữ c giữa các thẻ chữ. Hà đã tìm thấy chữ a. Còn Bi chưa tìm thấy chữ nào. Các em cùng với bạn Bi đi tìm chữ a và chữ c nhé.  \* GV cho HS tìm chữ a trong bộ chữ.  - GV kiểm tra kết quả, khen HS đúng.  - Cho học sinh nhắc lại tên chữ. | - HS lắng nghe.  - HS làm cá nhân tìm chữ a rồi cài vào bảng cài.  - HS giơ bảng .  - HS đọc tên chữ. |  |
| \* GV cho HS tìm chữ c trong bộ chữ.  - GV kiểm tra kết quả, khen HS đún.g  - Cho học sinh nhắc lại tên chữ.  \* Cho HS làm việc cá nhân khoanh vào chữ a trong bài tập 5 VBT. | - HS làm cá nhân tìm chữ c rồi cài vào bảng cài.  - HS giơ bảng.  - HS đọc tên chữ.  \* Làm bài cá nhân. |  |
| **TIẾT 3** | | | | |
| **5 phút** | **1. Khởi động** | - GV cho cả lớp đọc lại 2 trang vừa học. | - HS đánh vần: cờ-a-ca  - HS đọc trơn ca  - HS nói lại tên các con vật, sự vật |  |
| **28 phút** | **2. Tập viết bảng con** | ***Tập viết (Bảng con – BT 6)*** |  |  |
| *a. Chuẩn bị.* |  |  |
| - Yêu cầu HS lấy bảng con. GV hướng dẫn học sinh cách lấy bảng, cách đặt bảng con lên bàn, cách cầm phấn khoảng cách mắt đến bảng (25 - 30cm), cách giơ bảng, lau bảng nhẹ nhàng bằng khăn ẩm để tránh bụi.  *b. Làm mẫu.* | - HS lấy bảng, đặt bảng, lấy phấn theo yêu cầu của GV. |  |
| - GV giới thiệu mẫu chữ viết thường a, c cỡ vừa.  - GV chỉ bảng chữ a, c | - HS theo dõi.  - HS đọc. |  |
| - GV vừa viết mẫu từng chữ và tiếng trên khung ô li phóng to trên bảng vừa hướng dẫn quy trình viết:  + Chữ c: Cao 2 li, rộng 1,5 li chỉ gồm 1 nét cong trái. Điểm đặt phấn dưới đường kẻ 3.  + Chữ a: Cao 2 li, rộng 1,5 li, gồm 2 nét: nét cong kín và nét móc ngược. Điểm đặt bút dưới đường kẻ 3. Từ điểm dừng bút của nét 1 lia bút lên dòng kẻ 3 viết tiếp nét móc ngược sát nét cong kín đến dòng kẻ 2 thì dừng lại.  + Tiếng ca: viết chữ c trước chữ a sau, chú ý nối giữa chữ c với chữ a. | - HS theo dõi. |  |
| *c. Thực hành viết*  - Cho HS viết trên khoảng không  - Cho HS viết bảng con. | - HS viết chữ c, a và tiếng ca lên khoảng không trước mặt bằng ngón tay trỏ.  - HS viết bài cá nhân trên bảng con chữ c, a từ 2 - 3 lần. |  |
| *d. Báo cáo kết quả*  - GV yêu cầu HS giơ bảng con  - GV nhận xét. | - HS giơ bảng theo hiệu lệnh.  - 3 - 4 HS giới thiệu bài trước lớp  - HS khác nhận xét. |  |
| - Cho HS viết chữ ca.  - GV nhận xét. | - HS xóa bảng viết tiếng ca 2-3 lần.  - HS giơ bảng theo hiệu lệnh.  - HS khác nhận xét. |  |
| **2 phút** | **3. Củng cố** | **\* Mục tiêu:**  - Ôn lại bài học âm và chữ a, c. |  | |
| - GV nhận xét, đánh giá tiết học, khen ngợi, biểu dương HS.  - Về nhà làm lại BT5 cùng người thân, xem trước bài 2.  - GV khuyến khích HS tập viết chữ c, a trên bảng con. | - HS lắng nghe. |  |

**IV. Rút kinh nghiệm sau tiết dạy**

...........................................................................................................................................

...........................................................................................................................................

| Trường: TH Thực hành Nguyễn Tất Thành | Thứ Năm ngày 12 tháng 9 năm 2024 |
| --- | --- |
| Lớp: 1A1 | Kế hoạch dạy học môn Tiếng Việt |
| Giáo viên: Nguyễn Ngọc Diễm | **Tập viết: a, c** |

**I. MỤC TIÊU**

*Sau khi học xong bài này, HS đạt được những yêu cầu sau:*

**1. Phát triển các năng lực đặc thù – năng lực ngôn ngữ:**

- Tô đúng, viết đúng các chữ a, c và tiếng ca - chữ viết thường, cỡ vừa, đúng kiểu, đều nét, theo đúng quy trình viết, dãn đúng khoảng cách giữa các con chữ theo mẫu trong vở *Luyện viết* 1, tập một.

**2. Góp phần phát triển các năng lực chung và phẩm chất:**

- Bài học rèn cho HS tính kiên nhẫn, cẩn thận, có ý thức thẩm mĩ khi viết chữ.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Giáo viên: Máy chiếu để minh họa chữ mẫu.

- Học sinh: Vở Luyện viết Tiếng Việt lớp 1 – tập 1.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

| **Thời gian** | **Nội dung** | **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** | **Đồ dùng** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **3 phút** | **1. Khởi động** | **Mục tiêu:** - Ổn định trật tự lớp.  - Tạo không khí cho lớp học. | | |
| - GV tổ chức trò chơi “Ai nhanh hơn”  Cách chơi: GV chia lớp thành 3 tổ (Tổ con cún, tổ con gà con và tổ mèo con). Khi GV chiếu các hình ảnh, trong đó có từ chứa chữ c hoặc chữ a, tổ nào kêu nhanh được tiếng con vật của tổ mình trước, sẽ dành quyền trả lời và được cộng điểm. Tổ nào dàn nhiều điểm nhất sẽ là tổ chiến thắng.  - GV nhận xét.  - GV kết nối bài học: Hôm nay chúng ta cùng tập tô, tập viết các chữ: a, c và tiếng ca - chữ viết thường, cỡ vừa. | - HS tham gia chơi.  - HS lắng nghe. |  |
| **10 phút** | **2. Khám phá** | **Mục tiêu:** - HS nêu được đặc điểm, cấu tạo của chữ a, c và ca. | | |
| - GV chiếu các chữ cần đọc lên màn hình.  - GV hướng dẫn *đặc điểm, cấu tạo, cách viết* rồi viết mẫu (kết hợp nhắc lại cách viết):  + Chữ c cao mấy li và rộng mấy li?  Chữ c: cao 2 li, rộng 1,5 li; chỉ gồm 1 nét *(nét cong trái).*  Cách viết: đặt bút dưới đường kẻ 3 một chút, viết nét cong trái, đến khoảng giữa đường kẻ 1 và đường kẻ 2 thì dừng lại.  + Chữ a cao mấy li và rộng mấy li?  Chữ *a:* cao 2 li, rộng 1,5 li; gồm 2 nét *(nét cong kín và nét móc ngược).*  Cách viết: đặt bút dưới đường kẻ 3 một chút, viết nét cong kín (từ phải sang trái). Từ điểm dừng bút của nét 1, lia bút lên ĐK 3 viết nét móc ngược sát nét cong kín; đến đường kẻ 2 thì dừng lại.  + Tiếng *ca,* viết chữ *c* trước, chữ *a* sau. Chú ý: Không viết rời từng chữ *c, a* mà có nét nối từ chữ *c* sang chữ *a.* | - HS đọc: a, c, ca.  - HS trả lời: cao 2 li, rộng 1,5 li.  - HS quan sát, lắng nghe và nhắc lại.  - HS trả lời: cao 2 li, rộng 1,5 li.  - HS quan sát, lắng nghe và nhắc lại.  - HS quan sát và lắng nghe. |  |
| **20 phút** | **3. Luyện tập, thực hành** | **Mục tiêu: HS viết đúng chữ a, c và ca trong vở Luyện viết.** | | |
| - HS mở vở *Luyện viết 1,* tập một, tô các chữ *c, a* và tiếng *ca* trong vở. Sau đó viết tiếp các chữ và tiếng vừa tô. GV hướng dẫn HS ngồi đúng tư thế, cầm bút đúng, *viết đúng quy trình; khuyến khích HS hoàn thành phần Luyện tập thêm.*  *- Chiếu vài bài của HS lên cho HS quan sát, nhận xét bài bạn viết (có thể cho hs quan sát một số bài viết đẹp)*  *- Nhận xét, khen học sinh.* | - HS mở vở viết bài.  - HS chú ý ngồi đúng tư thế, cầm bút đúng, viết đúng quy trình.  Quan sát và NX |  |
| **2 phút** | **4. Củng cố** | - GV nhận xét tiết học, tuyên dương HS viết đẹp.  - Nhắc nhở HS luyện viết thêm ở nhà | - HS lắng nghe. |  |

IV. RÚT KINH NGHIỆM SAU TIẾT DẠY

........................................................................................................................................

........................................................................................................................................

........................................................................................................................................

........................................................................................................................................

| Trường: TH Thực hành Nguyễn Tất Thành | Thứ Năm ngày 12 tháng 9 năm 2024  Thứ Sáu ngày 13 tháng 9 năm 2024 |
| --- | --- |
| Lớp: 1A1 | Kế hoạch dạy học môn Tiếng Việt |
| Giáo viên: Nguyễn Ngọc Diễm | **Bài: cà, cá (2 tiết)**  **Tiết 1 – Thứ Năm**  **Tiết 2 – Thứ Sáu** |

**I. MỤC TIÊU**

*Sau khi học xong bài này, HS đạt được những yêu cầu sau:*

**1. Phát triển các năng lực đặc thù – năng lực ngôn ngữ:**

- HS nêu được thanh huyền và dấu huyền, thanh sắc và dấu sắc từ các tiếng.

- Biết đánh vần tiếng có mô hình “âm đầu + âm chính + thanh”: cà, cá

- Nhìn hình minh họa, phát âm (hoặc được giáo viên hướng dẫn phát âm), tự tìm được tiếng có thanh huyền, thanh sắc.

- Viết đúng các tiếng cà, cá (trên bảng con)

**2. Góp phần phát triển các năng lực chung và phẩm chất:**

- Khơi gợi tình yêu thiên nhiên, động vật.

- Khơi gợi óc tìm tòi, vận dụng những điều đã học vào thực tế.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Giáo viên: Máy chiếu để minh họa từ khóa, từ trong bài tập hoặc tranh ảnh, mẫu vật, vật thật.

- Học sinh: SGK, VBT, bộ đồ dùng Tiếng Việt, bảng con, hộp phấn.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

| **Thời gian** | **Nội dung** | **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** | **Đồ dùng** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **3 phút** | **1. Khởi động**  **Mục tiêu:**  - Kiểm tra lại nội dung kiến thức ở bài trước.  - Luyện tập đọc lại bài tập đọc “Ở nhà bà”  - Ổn định trật tự lớp. | | | |
| **Kiểm tra bài cũ** | - GV viết lên bảng các chữ a, c và tiếng ca.  - GV cho học sinh nhận xét. | - 2 - 3 HS đọc; cả lớp đọc đồng thanh. |  |
| **Giới thiệu bài** | - Giáo viên viết lên bảng lớp tên bài và giới thiệu: Hôm nay các em sẽ làm quen với 2 thanh của tiếng Việt là thanh huyền và thanh sắc; học đọc tiếng có thanh huyền, thanh sắc.  + GV ghi từng chữ **cà**, nói: **cá**  + GV ghi chữ **cá**, nói: **cá** | - Lắng nghe.  - 4-5 em, cả lớp: “**cà”**  - Cá nhân, cả lớp: **“cá”** |  |
| **15 phút** | **2. Hoạt động 1. Khám phá** | | | |
| **Dạy tiếng cà** | - GV đưa quả cà lên.  - Đây là quả gì?  - GV chỉ lên màn hình tiếng **cà.**  - GV chỉ tiếng **cà.** | - HS quan sát.  - HS: Đây là quả cà.  - HS quan sát và nhận biết tiếng **cà.**  - HS đọc cá nhân - tổ - cả lớp: **cà.** |  |
| ***\* Phân tích*** |  |  |
| + GV che dấu huyền ở tiếng **cà** rồi hỏi: Ai đọc được tiếng này? | - HS xung phong đọc: **ca** |  |
| - GV chỉ vào chữ **cà,** nói đây là một tiếng mới. So với tiếng ca thì tiếng này có gì khác?  - Đó là dấu huyền chỉ thanh huyền.  - GV đọc: **cà.**  - GV chỉ tiếng **cà** kết hợp hỏi: Tiếng **cà** gồm có những âm nào? Thanh nào?  - GV cho HS nhắc lại. | - Có thêm dấu “gạch ngang” trên đầu.  - HS cá nhân – cả lớp: **cà.**  - Tiếng **cà** gồm có âm c và âm a. Âm c đứng trước, âm a đứng sau, dấu huyền đặt trên a.  - HS cả lớp nhắc lại. |  |
| ***\* Đánh vần.***  - Hôm trước, các em đã biết cách đánh vần tiếng **ca**: cờ-a-ca. Hôm nay, tiếng ca có thêm dấu huyền, ta đánh vần như thế nào?  - Giáo viên hướng dẫn cả lớp vừa nói vừa thể hiện động tác tay:  + Chập hai tay vào nhau để trước mặt, phát âm: ***cà.***  + Vừa tách bàn tay trái ra, ngả về bên trái, vừa phát âm: ***ca.***  + Vừa tách bàn tay phải ra, ngả về bên phải, vừa phát âm: ***huyền.***  + Vừa chập hai bàn tay lại, vừa phát âm: ***cà***.  - GV cùng 1 tổ học sinh đánh vần lại với tốc độ nhanh dần: ***ca-huyền-cà.***  - Bây giờ chúng ta gộp bước đánh vần tiếng ca với bước đánh vần tiếng cà làm một cho gọn. | - HS: Ca- huyền- cà.  - Quan sát và cùng làm với GV.  - HS làm và phát âm cùng GV.  - HS làm và phát âm cùng GV.  - HS làm và phát âm cùng GV.  - HS làm và phát âm cùng GV.  - HS làm và phát âm cùng GV theo từng tổ.  - Cá nhân, tổ nối tiếp nhau đánh vần: ***ca-huyền-cà.***  - Cả lớp đánh vần: ***ca-huyền-cà.*** |  |
| - GV giới thiệu mô hình tiếng **cà**   | **cà** | | **c-a-ca-huyền-cà** | | --- | --- | --- | | **c** | **à** | | - Lắng nghe. |  |
| - GV chỉ từng kí hiệu trong mô hình, đánh vần tiếng **c-a-ca-huyền-cà** | - HS (cá nhân, tổ, cả lớp): **c-a-ca-huyền-cà.** |  |
| **Dạy tiếng cá** | - GV đưa tranh con cá lên bảng. | - HS quan sát. |  |
|  | - Đây là con gì?  - GV chiếu lên màn hình tiếng **cá.**  - GV chỉ tiếng **cá**. | - HS: Đây là con cá.  - HS nhận biết tiếng **cá .**  - HS đọc cá nhân-tổ-cả lớp: **cá.** |  |
|  | ***\* Phân tích*** |  |  |
|  | + GV che dấu huyền ở tiếng **cá** rồi hỏi: Ai đọc được tiếng này? | - HS xung phong đọc: **ca.** |  |
|  | - GV chỉ vào chữ **cá,** nói đây là một tiếng mới. So với tiếng ca thì tiếng này có gì khác?  - Đó là dấu sắc chỉ thanh sắc.  - GV đọc: **cá.**  - GV chỉ tiếng **cà** kết hợp hỏi: Tiếng **cá** gồm có những âm nào? Thanh nào?  - GV cho HS nhắc lại.  - GV: Tiếng **cá** khác tiếng **cà** ở thanh gì? | - Có thêm dấu trên đầu.  - HS cá nhân – cả lớp: **cá.**  - Tiếng **cá** gồm có âm **c** và âm **a**. Âm **c** đứng trước, âm **a** đứng sau, dấu sắc đặt trên **a**.  - HS cả lớp nhắc lại.  - Tiếng **cá** có thanh sắc, tiếng **cà** có thanh huyền. |  |
|  | ***\* Đánh vần.***  - Hôm trước, các em đã biết cách đánh vần tiếng **ca**: cờ-a-ca. Hôm nay, tiếng ca có thêm dấu sắc, ta đánh vần như thế nào?  - Giáo viên hướng dẫn cả lớp vừa nói vừa thể hiện động tác tay:  + Chập hai tay vào nhau để trước mặt, phát âm: **cá.**  + Vừa tách bàn tay trái ra, ngả về bên trái, vừa phát âm: ***ca.***  + Vừa tách bàn tay phải ra, ngả về bên phải, vừa phát âm: ***sắc.***  + Vừa chập hai bàn tay lại, vừa phát âm: **cá**.  - GV cùng 1 tổ học sinh đánh vần lại với tốc độ nhanh dần: ***ca-sắc-cá***  - Bây giờ chúng ta gộp bước đánh vần tiếng ca với bước đánh vần tiếng cá làm một cho gọn. | - HS: Ca- sắc- cá  - Quan sát và cùng làm với GV.  - HS làm và phát âm cùng GV.  - HS làm và phát âm cùng GV.  - HS làm và phát âm cùng GV.  - HS làm và phát âm cùng GV.  - HS làm và phát âm cùng GV. theo từng tổ.  - Cá nhân, tổ nối tiếp nhau đánh vần: ***ca-sắc-cá***  - Cả lớp đánh vần: ***ca-sắc-cá.*** |  |
|  | - GV giới thiệu mô hình tiếng **cá**   | **cá** | | **c-a-ca-sắc-cá** | | --- | --- | --- | | **c** | **á** | | - Lắng nghe. |  |
|  | - GV chỉ từng kí hiệu trong mô hình, đánh vần tiếng **c-a-ca-sắc-cá** | - HS (cá nhân, tổ, cả lớp): **c-a-ca-sắc-cá.** |  |
|  | ***\* Củng cố:***  - Các em vừa học dấu mới là dấu gì?  - Các em vừa học các tiếng mới là tiếng gì?  - GV chỉ mô hình tiếng **cà, cá** | - Dấu huyền, dấu sắc.  - Tiếng **cà, cá.**  - HS đánh vần, đọc trơn: **c-a-ca-huyền-cà, c-a-ca-sắc-cá.** |  |
| **20 phút** | **3. Hoạt động 2: Luyện tập** | | | |
| **Mở rộng vốn từ** | ***(BT3: Đố em: Tiếng nào có thanh huyền?)***  *a. Xác định yêu cầu.*  - GV nêu yêu cầu của bài tập: Các em nhìn vào SGK trang 8 (GV giơ sách mở trang 8 cho HS quan sát) rồi nói to tên các con vật, cây, sự vật có thanh huyền; nói nhỏ tên các con vật, cây, sự vật không có thanh huyền. | - Học sinh lắng nghe yêu cầu và mở sách đến trang 8. |  |
|  | *b. Nói tên sự vật*  - GV chỉ từng hình theo số thứ tự mời học sinh nói tên từng sự vật.  - GV chỉ từng hình theo thứ tự đảo lộn yêu cầu cả lớp nói tên tên từng sự vật. | - HS lần lượt nói tên từng con vật: *cò, bò, nhà, thỏ, nho, gà*  - HS lần lượt nói một vài vòng |  |
|  | *d. Báo cáo kết quả.*  - GV cho từng cặp học sinh báo cáo kết quả theo nhóm đôi. | + HS1 chỉ hình 1 - HS2 nói to: **cò**.  + HS1 chỉ hình 2 - HS2 nói to: **bò.**  + HS1 chỉ hình 3 - HS2 nói to: **nhà.**  + HS1 chỉ hình 4 - HS2 nói nhỏ: **thỏ.**  + HS1 chỉ hình 5 - HS2 nói nhỏ: **nho.**  + HS1 chỉ hình 6 - HS2 nói to: **gà.** |  |
|  | - GV chỉ từng hình theo thứ tự đảo lộn, bất kì, mời học sinh báo cáo kết quả. | - HS báo cáo cá nhân. |  |
|  | - GV cho HS làm bài vào vở Bài tập.  - GV đố học sinh tìm 3 tiếng có thanh huyền (Hỗ trợ HS bằng hình ảnh) | - HS cả lớp nối hình với âm tương ứng.  - HS nói (bà, già, xò,...) |  |
| **Mở rộng vốn từ** | ***BT3: Đố em: Tiếng nào có thanh sắc?***  *a. Xác định yêu cầu.*  - GV nêu yêu cầu của bài tập: Các em nhìn vào SGK trang 9 (GV giơ sách mở trang 9 cho HS quan sát) rồi vừa nói vừa vỗ tay tên các con vật, cây, sự vật có thanh sắc. | - Học sinh lắng nghe yêu cầu và mở sách đến trang 9. |  |
|  | *b. Nói tên sự vật*  - GV chỉ từng hình theo số thứ tự mời học sinh nói tên từng sự vật.  - GV chỉ từng hình theo thứ tự đảo lộn yêu cầu cả lớp nói tên tên từng sự vật. | - HS lần lượt nói tên từng con vật: *bé, lá, cú, hổ, bóng, chó*  - HS lần lượt nói một vài vòng. |  |
|  | *d. Báo cáo kết quả.*  - GV cho từng cặp học sinh báo cáo kết quả theo nhóm đôi. | + HS1 chỉ hình 1- HS2 vỗ tay nói: **bé.**  + HS1 chỉ hình 2- HS2 vỗ tay nói: **lá.**  + HS1 chỉ hình 3- HS2 vỗ tay nói: **cú.**  + HS1 chỉ hình 4- HS2 không vỗ tay nói: **hổ.**  + HS1 chỉ hình 5- HS2 vỗ tay nói: **bóng.**  + HS1 chỉ hình 6- HS2 vỗ tay nói: **chó.** |  |
|  | - GV chỉ từng hình theo thứ tự đảo lộn, bất kì, mời học sinh báo cáo kết quả. | - HS báo cáo cá nhân. |  |
|  | - GV cho HS làm bài vào vở Bài tập.  - GV đố học sinh tìm 3 tiếng có thanh sắc (Hỗ trợ HS bằng hình ảnh) | - HS cả lớp nối hình với âm tương ứng.  - HS nói (cháo, đá, táo,...). |  |
| **Ghép chữ** | - GV nêu yêu cầu của bài tập: Tìm chữ và dấu trong bộ chữ, ghép 2 tiếng mới học: **cà, cá**  - GV cho HS làm bài cá nhân.  - GV yêu cầu HS giơ bảng cài.  - GV kiểm tra.  - GV nhận xét. | - 3 - 4 HS nhắc lại.  - HS lần lượt ghép tiếng cà, tiếng cá/.  - HS giơ bảng sau mỗi lần cài.  - HS nhận xét lẫn nhau. |  |
| **TIẾT 2** | | | | | |
| **10 phút**  **20 phút** | **Mở rộng vốn từ** | ***Tìm hình ứng với mỗi tiếng (Bài tập 5)***  *a. Xác định yêu cầu.*  - GV nêu yêu cầu của bài tập: GV đưa lên bảng hình minh họa bài 5 và 3 thẻ chữ sắp xếp theo thứ tự bất kì.  - GV gọi 1 HS đọc  - Bài yêu cầu chúng ta gắn các thẻ chữ cà, cá, ca dưới mỗi hình tương ứng (ở trên bảng) hoặc nối hình với chữ tương ứng (vở BT). | - Học sinh theo dõi.  - HS đọc: **cà, cá, ca**  - Theo dõi. |  |
| *b. Thực hiện yêu cầu.*  - GV chỉ từng thẻ chữ, mời HS đọc.  - GV chỉ từng chữ theo thứ tự đảo lộn yêu cầu cả lớp đọc.  - GV cho HS làm bài vào vở BT | - HS (cá nhân, tổ, lớp) đọc: **cà, cá, ca.**  - HS cả lớp đọc.  - Làm bài cá nhân. |  |
| *d. Báo cáo kết quả.*  - GV gắn lên bảng lớp 2 bộ thẻ chữ và hình ảnh;  - Mời 2 HS lên bảng thi gắn nhanh chữ với hình.  - GV cho cả lớp đọc lại kết quả. | - HS quan sát và lắng nghe cách làm.  - 2 HS lên thi gắn chữ với hình  + HS chỉ từng chữ, nói kết quả:  Hình 1-ca; Hình 2-cá; Hình 3-cà.  - HS đọc 2 lần. |  |
| **Tập viết bảng con** | ***BT 6***  - Cho HS đọc các chữ mẫu cần viết trong bài tập 6.  *a. Chuẩn bị.*  - Yêu cầu HS lấy bảng con. GV hướng dẫn học sinh cách lấy bảng, cách đặt bảng con lên bàn, cách cầm phấn khoảng cách mắt đến bảng (25-30cm), cách giơ bảng, lau bảng nhẹ nhàng bằng khăn ẩm để tránh bụi. | - HS đọc (cá nhân-tập thể): cà, cá.  - HS lấy bảng, đặt bảng, lấy phấn theo yc của GV. |  |
|  |  | *b. Làm mẫu.* |  |  |
|  |  | - GV viết bảng: cà, cá.  - GV vừa viết mẫu vừa hướng dẫn cách viết: | - HS cả lớp đọc.  - HS đọc. |  |
|  |  | + Dấu huyền: Nét xiên trái ngắn. Dấu sắc: viết nét xiên phải ngắn. Độ nghiêng của các dấu vừa phải; vị trí hai dấu đề nằm trong khoảng cách giữa đường kẻ 3 và đường kẻ 4. | + Theo dõi viết mẫu. |  |
|  |  | + Tiếng **cà**: Viết chữ c (nét cong trái, cao 2 li); sau đó viết chữ a (2 li); đánh dấu huyền (nét xiên trái ngắn) trên chữ **a**. Chú ý nét nối giữa chữ **c** và **a**. |  |  |
|  |  | + Tiếng **cá**: viết chữ **c** trước chữ **a** sau, dấu sắc (nét xiên phải ngắn) trên chữ **a**. Chú ý nối giữa chữ **c** với chữ **a**. | - HS theo dõi. |  |
|  |  | *\* Thực hành viết*  - Cho HS viết trên khoảng không  - Cho học sinh viết ***cà, cá*** | - HS viết chữ **cà, cá** lên khoảng không trước mặt bằng ngón tay trỏ.  - HS viết bài cá nhân trên bảng chữ ***cà, cá*** từ 2-3 lần. |  |
|  |  | *d. Báo cáo kết quả*  - GV yêu cầu HS giơ bảng con.  - GV nhận xét. | - HS giơ bảng theo hiệu lệnh.  - 3-4 HS viết đúng đẹp giới thiệu bài trước lớp.  - HS khác nhận xét. |  |
| **5 phút** | **Củng cố** | - GV nhận xét, đánh giá tiết học, khen ngợi, biểu dương HS.  - Về nhà đọc lại bài tập đọc cùng người thân, xem trước bài kể chuyện: Hai con dê.  - GV khuyến khích HS tập viết chữ **cà, cá** trên bảng con. | - Lắng nghe. |  |

IV. RÚT KINH NGHIỆM SAU TIẾT DẠY

........................................................................................................................................

........................................................................................................................................

........................................................................................................................................

........................................................................................................................................

| Trường: TH Thực hành Nguyễn Tất Thành | Thứ Sáu ngày 13 tháng 9 năm 2023 |
| --- | --- |
| Lớp: 1A1 | Kế hoạch dạy học môn Tiếng Việt |
| Giáo viên: Nguyễn Ngọc Diễm | **Tập viết: cà, cá** |

**I. MỤC TIÊU**

*Sau khi học xong bài này, HS đạt được những yêu cầu sau:*

**1. Phát triển các năng lực đặc thù – năng lực ngôn ngữ:**

- Tô, viết đúng các tiếng cà, cá – chữ thường cỡ vừa đúng kiểu đều nét; viết đúng dấu sắc, dấu huyền, đặt dấu đúng vị trí, đưa bút đúng quy trình viết, dãn đúng khoảng cách giữa các con chữ theo mẫu chữ trong vở *Luyện viết 1*, tập một.

**2. Góp phần phát triển các năng lực chung và phẩm chất:**

- Bài học rèn cho HS tính kiên nhẫn, cẩn thận, có ý thức thẩm mĩ khi viết chữ.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Giáo viên: Máy chiếu để minh họa chữ mẫu.

- Học sinh: Vở Luyện viết Tiếng Việt lớp 1 – tập 1.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

| **Thời gian** | **Nội dung** | **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** | **Đồ dùng** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **3 phút** | **1. Khởi động** | - GV tổ chức trò chơi “Đứng lên, ngồi xuống”  Cách chơi: GV lần lượt đọc các từ đã học ở bài hôm trước. Từ nào có thanh sắc, HS đứng lên; từ nào có thanh huyền, HS ngồi xuống.  - GV nhận xét.  - GV kết nối bài học: Hôm nay các em sẽ tập tô và tập viết các chữ ca, cà, cá. | - HS tham gia chơi.  - HS lắng nghe |  |
| **10 phút** | **2. Khám phá** | **Mục tiêu:** - HS nêu được đặc điểm, cấu tạo của chữ ca, cà, cá. |  | |
| - GV chiếu các chữ cần đọc lên màn hình  - GV hướng dẫn *đặc điểm, cấu tạo, cách viết* rồi viết mẫu (kết hợp nhắc lại cách viết):  + Chữ ca viết như thế nào?  + Chữ cà viết như thế nào?  + Chữ cá viết như thế nào?  - GV chiếu video hướng dẫn quy trình viết và viết lại lên bảng.  \* Chú ý cho HS nối nét giữa c và a. | - HS đọc: ca, cà, cá.  - HS nói cách viết:  + ca : chữ c (cao 2 li) viết trước, chữ a (cao 2 li)viết sau.  + cà : chữ c (cao 2 li) viết trước, chữ a (cao 2 li)viết sau, thêm dấu huyền trên đầu chữ a.  + cá : chữ c (cao 2 li) viết trước, chữ a (cao 2 li)viết sau, thêm dấu sắc trên đầu chữ a.  - HS theo dõi. |  |
| **20 phút** | **3. Luyện tập, thực hành** | - Cho HS mở vở Luyện viết 1, tập 1.  - Hướng dẫn HS ngồi đúng tư thế, cầm bút đúng.  - GV cho HS tập tô, tập viết các chữ c, a, ca, cà, cá.  - GV theo dõi, giúp đỡ, hỗ trợ HS yếu. Khuyến khích HS khá, giỏi viết hoàn thành phần *Luyện tập thêm.*  - GV chấm 1 số bài của HS.  - GV nhận xét, chữa bài, tuyên dương bạn viết đẹp. | HS mở vở viết bài.  - HS thực hành ngồi đúng tư thế, cầm bút đúng, viết đúng quy trình.  - HS viết bài cá nhân.   * Quan sát, nhận xét. |  |
| **2 phút** | **4. Củng cố** | GV nhận xét, đánh giá tiết học, khen ngợi, biểu dương HS.  - Nhắc nhở HS luyện viết thêm ở nhà | - HS lắng nghe. |  |

IV. RÚT KINH NGHIỆM SAU TIẾT DẠY

........................................................................................................................................

........................................................................................................................................

........................................................................................................................................

........................................................................................................................................

| Trường: TH Thực hành Nguyễn Tất Thành | Thứ Sáu ngày 13 tháng 9 năm 2024 |
| --- | --- |
| Lớp: 1A1 | Kế hoạch dạy học môn Tiếng Việt |
| Giáo viên: Nguyễn Ngọc Diễm | **Bài 3: Kể chuyện Hai con dê** |

**I. MỤC TIÊU**

*Sau khi học xong bài này, HS đạt được những yêu cầu sau:*

**1. Phát triển các năng lực đặc thù:**

**1.1.** **Phát triển năng lực ngôn ngữ:**

- Nghe hiểu và nhớ câu chuyện.

- Nhìn tranh, nghe GV hỏi, trả lời được từng câu hỏi dưới tranh.

- Nhìn tranh (không cần GV hỏi), có thể tự kể từng đoạn của câu chuyện.

**1.2.** **Phát triển năng lực văn học:**

- Nêu được tính cách hai nhân vật dê đen và dê trắng.

- Nêu được lời khuyên qua câu chuyện: Phải biết nhường nhịn nhau, tranh giành, đánh nhau thì sẽ có kết quả đáng buồn.

**2. Góp phần phát triển các năng lực chung và phẩm chất:**

- Chăm chú lắng nghe, trả lời câu hỏi một cách tự tin.

- Biết vận dụng lời khuyên của câu chuyện vào đời sống.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Giáo viên: Máy chiếu để chiếu tranh minh họa, 2 sợi dây dài.

- Học sinh: SGK.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

| **Thời gian** | **Nội dung** | **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** | **Đồ dùng** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **5 phút** |  | **Hoạt động: Khởi động** | | |
|  | **Giới thiệu bài** | - GV đặt 2 sợi dây dài trên mặt đất (sao chỉ vừa 1 người đi giữa 2 sợi dây đó). GV gọi 2 HS đứng 2 bên đầu và đặt vấn đề: Làm thế nào để 2 bạn HS có thể đi qua được đầu bên kia và chỉ được đi bên trong 2 sợi dây.  - Giáo viên viết lên bảng lớp tên bài và giới thiệu: Để xem làm thế nào để có thể làm được điều đó, nó liên quan gì đến nội dung câu chuyện ngày hôm nay. Tiết học này, các em sẽ được nghe kể câu chuyện: Hai con dê. | - HS thực hiện.  - Lắng nghe. |  |
|  | **Hoạt động 1. Khám phá** | | | |
| **10 phút** | **Chia sẻ và giới thiệu câu chuyện** | ***1.1. Quan sát và phỏng đoán*** |  |  |
| - GV chiếu lên bảng 6 tranh minh họa.  - GV giới thiệu tên truyện: *Hai con dê* | - HS quan sát.  - HS lắng nghe. |  |
| - Các em xem tranh và nói tên các con vật trong tranh.  - GV hãy thử đoán nội dung truyện.  - GV hướng dẫn HS: Để đoán đúng các em xem tranh 1, 3, Hai con dê làm gì? Ở tranh 4 thì hai con dê bị sao? | - HS quan sát chia sẻ theo cặp.  - HS đoán ND: Hai con dê muốn qua cầu/Hai con dê rơi xuống suối. |  |
| ***1.2. Giới thiệu truyện.*** |  |  |
| - GV giới thiệu: Hôm nay, các em sẽ được nghe kể câu chuyện về hai con dê (dê đen và dê trắng) khi chúng cùng muốn đi qua 1 chiếc cầu hẹp bắc ngang dòng suối nhỏ. Điều gì đã xảy ra với chúng? Các em hãy lắng nghe câu chuyện.  - GV bật đoạn clip kể chuyện *Hai con dê* trong phần học liệu. | - HS lắng nghe giới thiệu.  - HS lắng nghe. |  |
| - GV kể từng đoạn với giọng diễn cảm: đoạn 1 kể với giọng khoan thai. Đoạn 2, 3 giọng kể thể hiện sự căng thẳng. Đoạn 4: thể hiện sự đáng tiếc vì một kết thúc không tốt đẹp. Lời khuyên kể với giọng thấm thía.  + GV kể lần 1: kể không chỉ tranh  + GV kể lần 2: Vừa chỉ tranh vừa kể thật chậm.  + GV kể lần 3: Vừa chỉ tranh vừa kể thật chậm, khắc sâu ND câu chuyện. | + HS lắng nghe GV kể.  + HS lắng nghe và quan sát tranh.  + HS lắng nghe và quan sát tranh. |  |
| Nội dung câu chuyện:  1. Có hai con dê cùng muốn đi qua một chiếc cầu hẹp, bắc ngang một dòng suối nhỏ. Dê đen đi từ đằng này lại. Dê trắng đi từ đằng kia sang.  2. Cả hai con đều tranh sang trước. Không con nào chịu nhường con nào.  3. Đến giữa cầu, chúng cãi nhau, rồi húc nhau.  4. Cả hai cùng lăn tòm xuống nước.  Thế là, chỉ vì không biết nhường nhau mà cả hai con dê vừa ngã đau, vừa không qua được suối. |  |  |
| **25 phút** | **Hoạt động 2. Luyện tập:** | | | |
| **Trả lời câu hỏi theo tranh** | + GV chỉ tranh 1, hỏi: Hai con dê muốn làm gì?  + GV chỉ tranh 2, hỏi: Trên cầu, hai con dê thế nào? Chúng có ngường nhau không?  + GV chỉ tranh 3, hỏi: Đến giữa cầu, hai con dê làm gì?  + GV chỉ tranh 4, hỏi: Kết quả ra sao?  - GV nhận xét hướng dẫn học sinh khi trả lời câu hỏi: cần nói to, rõ, nhìn vào người nghe, nói đủ ý.  - GV kết luận: Thế là, chỉ vì không biết nhường nhịn nhau mà điều tai hại đã xảy ra: cả hai con dê vừa ngã đau, vừa không qua được suối. | + 2 HS nối tiếp nhau trả lời: Hai con dê cùng muốn qua một chiếc cầu hẹp, bắc ngang một dòng suối nhỏ.  + 2 HS nối tiếp nhau trả lời: Hai con dê đều tranh sang trước. Không con nào chịu nhường con nào.  + 2 HS nối tiếp nhau trả lời: Đến giữa cầu, hai con dê cãi nhau rồi húc nhau.  + 2 HS nối tiếp nhau trả lời: Cả hai cùng lăn tòm xuống sông. |  |
|  |  | - GV chỉ tranh 1, 2 cho học sinh trả lời các câu hỏi theo 2 tranh (Nội dung như trên).  - Tiếp tục cho HS trả lời câu hỏi với các cặp tranh còn lại.  - GV cho HS trả lời cả 4 câu hỏi theo 4 tranh. | - HS trả lời.  - HS trả lời.  - 1 HS trả lời câu hỏi ở cả 4 tranh. |  |
|  | **Kể chuyện theo tranh** | \* GV yêu cầu mỗi HS chọn 2 tranh và tự kể chuyện theo 2 tranh đó.  - GV gọi HS lên kể trước lớp.  - GV cùng HS nhận xét bạn kể. | \* HS tự chọn 2 tranh và tập kể theo tranh.  - HS xung phong lên kể cặp tranh mình đã chọn. |  |
|  |  | \* Trò chơi: Ô cửa sổ.  - GV chiểu lên bảng các ô cửa sổ (4 ô cửa sổ)  - GV mở cửa sổ để hiện ra hình minh họa đoạn chuyện.  - GV cho HS chơi trò chơi trong thời gian 5 - 7 phút.  - GV mở cả 4 tranh yêu cầu HS kể lại toàn bộ câu chuyện. | - HS theo dõi và chọn ô cửa sổ mình thích.  - HS nhìn hình minh họa và kể lại chuyện.  - HS xung phong kể. |  |
|  |  | \* GV cất tranh mời HS kể lại câu chuyện. | \* HS xung phong lên kể chuyện |  |
|  | **Tìm hiểu ý nghĩa câu chuyện** | - Câu chuyện khuyên chúng ta điều gì?  \* GV kết luận: Câu chuyện khuyên chúng ta phải biết nhường nhịn nhau. Biết nhường nhịn thì cuộc sống sẽ trở nên tốt đẹp hơn.  - GV cùng cả lớp bình chọn bạn kể chuyện hay. | - Câu chuyện khuyên chúng ta phải biết nhường nhịn nhau.  \* HS lắng nghe. |  |
| **5 phút** | **Củng cố** | - Tuyên dương những HS kể chuyện hay  - Về nhà kể lại cho người thân nghe câu chuyện và ý nghĩa của câu chuyện.  - Xem trước tranh minh họa, chuẩn bị cho tiết kể chuyện *Chồn con đi học.* | - Lắng nghe. |  |

IV. RÚT KINH NGHIỆM SAU TIẾT DẠY

........................................................................................................................................

........................................................................................................................................

........................................................................................................................................